

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/HS-PT  
Ngày 28 - 5 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Toàn

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Công Bình  
Ông Trần Duy Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk** tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn N và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 06, 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Nguyễn N**, sinh năm 1979, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn TN, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn C và bà Trương Thị V; có vợ là Châu Thị Ánh N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt tiền 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại bản án số 62/2013/HSST, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**2. Lê Tấn S**, sinh năm 1979, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn TH, xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; hiện trú tại: 04 CD, phường TL, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Quản lý khách sạn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn L1 (đã chết) và bà Võ Thị H1; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng 09 ngày tù giam về tội Đánh bạc theo bản án số 46/2005/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017 được thay thế

biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**3. Ngô Đ**, sinh năm 1975, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn 4, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Ngô D1 (đã chết) và bà Phan Thị N; có vợ là Ngô Thị D1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc tại bản án số 19/2013/HSST. Ngày 31/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo bản án số 95/2015/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2017 đến ngày 18/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**4. Hoàng Thế A**, sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường TH1, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; con ông Hoàng Đức L1 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Phạm Thị H1 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo bản án số 102/2015/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến ngày 15/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**5. Y NN**, sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn J, xã ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Ê Đê; con ông Y H1 (đã chết) và con bà H'Đ; có vợ là H'N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xử phạt 06 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**6. Nguyễn Thị Xuân L**, sinh năm 1957, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: số 66 Nguyễn Tất T, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có chồng là Thạch Ngọc T và 05 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**7. Nguyễn Tiên P**, sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: số 18/74 GP, phường TL1, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị Kim A; có vợ là Nguyễn Thị Ánh N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/10/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo bản án số 171/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**8. Nguyễn Thị T**, tên gọi khác: **Bảy T**, sinh năm 1962, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn 7, xã ĐL, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Ng và bà Nguyễn Thị Th (đều đã chết); có chồng là Trương T (đã ly hôn) và có 08 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc tại Bản án số 04/2012/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (vắng mặt).

**9. Lư Minh P1** – sinh năm 1980, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: thôn 10, xã NN, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Lư Văn T và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Kiều L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/5/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc tại bản án số 63/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Y NN, Nguyễn Thị Xuân L: Luật sư Mai Quốc A, Văn phòng luật sư A Đắk Lắk – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra trong vụ án còn có 09 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2017, Trần Văn D2 nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền tại các khu vực rẫy cà phê nên D2 rủ Nguyễn D3, Nguyễn N, Đặng Phúc V1, Nguyễn Xuân T1, Lê Tấn S, Đào Văn D4, Phạm Văn H2 cùng vào tham gia được mọi người đồng ý. D2 phân công vai trò trong việc tổ chức sòng bạc như sau: D2 có nhiệm vụ thu tiền xâu, Nguyễn D3 là người phụ giúp chính cho D2 trong việc chuẩn bị địa điểm, quản lý, trông coi và bố trí người đón, chở, liên lạc để đưa các con bạc vào đánh bạc và thu tiền xâu khi D2 không có mặt ở sòng bạc. Đào Văn D4 làm nhiệm vụ tìm địa điểm đánh bạc. Đặng Phúc V1 làm nhiệm vụ xóc cái để các con bạc đặt cược với nhau, Nguyễn Xuân T1 cho các con bạc vay tiền trong sòng bạc, Lê Tấn S chở khách

trong địa bàn thành phố BT vào sông bạc để đánh bạc, Nguyễn N chở khách từ huyện ĐM lên địa điểm đánh bạc để đánh bạc, Đào Văn D4, Phạm Văn H2 làm nhiệm vụ đón khách từ điểm tập kết đến địa điểm đánh bạc. Đến cuối buổi, sau khi đánh bạc xong, D2 lấy tiền xâu trả công cho những người tham gia tổ chức đánh bạc là 200.000đồng/người/lần. Khoảng 17<sup>h</sup> 00' ngày 16/8/2016, D2 gọi điện cho D4 nhờ tìm cho D2 một địa điểm ở gần Cụm công nghiệp TA, thành phố BT để D2 tổ chức sông bạc. D4 điều khiển chiếc xe hiệu HONDA AIR BLADE BKS 47B1 – 419.04 cùng H2 đi tìm địa điểm. Khi đến rẫy của anh Võ Tá D5 (trú tại khối 6, phường Tân An, thành phố BT) ở khu vực phía sau Cụm công nghiệp TA, hiện anh D5 thuê vợ chồng anh Y NN và H'N trông coi, quản lý thì D4 hỏi thuê lại nhà để làm địa điểm tổ chức đánh bạc với giá 300.000 đồng thì Y NN đồng ý và chỉ vị trí làm nơi đánh bạc cho D4, chọn xong địa điểm D4 gọi điện lại để thông báo cho D2 biết. Đến khoảng 21<sup>h</sup>00' cùng ngày, D2 gọi Nguyễn D3 đến gặp D4 để kiểm tra địa điểm và chuẩn bị một số vật dụng cần thiết cho việc đánh bạc.

Đến 22<sup>h</sup>00' đến 23<sup>h</sup>00' thì có Lư Minh P1, Lê Tấn S, Lê Trọng C1, Nguyễn N, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tiến P, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Thế A, Trần Anh T1 và một số người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi vào sông bạc để tham gia đánh bạc. Lúc này, sông bạc có khoảng hơn 20 người thì D2 giao cho Đặng Phúc V1 (Bảy) chuẩn bị chén đĩa và đục vị để mọi người tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, V1 cũng được D2 giao cho công việc xóc cái cho các con bạc chơi đặt cược thắng thua với nhau, không hạn chế lượng tiền đặt cược, người đặt cược ít vài trăm nghìn đồng, người đặt cược nhiều vài triệu đồng. Trong suốt quá trình các đối tượng tham gia sát phạt, số tiền trên chiếu bạc hai mặt chẵn lẻ luôn dao động từ 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) đến 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Ngô Đ là người làm cái Senkô, trực tiếp thắng thua với con bạc. D2 thu tiền xâu theo thống nhất cứ kết quả xóc bốn con vị là bốn trắng hoặc bốn đen, D2 sẽ thu 5% tổng số tiền trên chiếu bạc.

Đến 0<sup>h</sup>30' phút ngày 17/8/2017, Trần Văn D2, Nguyễn D3, Lê Tấn S, Đào Văn D4, Phạm Văn H2, Y NN, Đặng Phúc V1, Nguyễn N, Nguyễn Xuân T1 đang tổ chức đánh bạc cho Lư Minh P1, Ngô Đ, Nguyễn Thị Xuân L, Lê Trọng C1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tuấn A1, Nguyễn Tiến P, Trần Anh T1, Hoàng Thế A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang. Riêng Trần Văn D2, Đặng Phúc V1, Ngô Đ, Trần Anh T1 và một số con bạc khác bỏ trốn.

Ngày 26/8/2017, ngày 11/9/2017 và 12/9/2017, Trần Văn D2, Trần Anh T1, Đặng Phúc V1 và Ngô Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 16.550.000 đồng.
- Thu giữ 01 chén nhựa mùa trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 con vị được cắt từ lá bài Tây; 01 búa đinh; 01 khúc gỗ kích thước 20x5cm; 03 chiếu nhựa kích thước

1,6x2m; 01 bạt màu xanh kích thước 4x5m; 02 bàn Senkô kích thước 40x40cm là công cụ đánh bạc.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Xuân L số tiền 5.900.000 đồng;
- Thu giữ của Nguyễn D3 số tiền 5.300.000 đồng
- Thu giữ của Lư Minh P1 số tiền 51.000.000 đồng;
- Thu giữ của Nguyễn Xuân T1 1.600.000 đồng;
- Thu giữ của Đào Văn D4 số tiền 1.500.000 đồng;
- Thu giữ của Lê Trọng C1 số tiền 700.000 đồng

Ngoài ra cơ quan Công an còn thu giữ một số xe máy, xe ô tô khác.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 06, 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

**Tuyên bố:** Các bị cáo: Trần Văn D2, Nguyễn D3 (Lắc), Đào Văn D4, Phạm Văn H2, Nguyễn Xuân T1, Đặng Phúc V1 (Bảy), Nguyễn N, Lê Tấn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Y NN phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Trần Anh T1, Nguyễn Tuấn A1 (T phở), Lê Trọng C1, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị T (Bảy T), Lư Minh P1, Ngô Đ, Nguyễn Tiến P, Hoàng Thế A phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 điều 249 điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS, khoản 1, 2 điều 60 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn D2** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm.

2. Căn cứ khoản 1 điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, khoản 1, 2 điều 60 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn D3** (Lắc) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 (ba) năm.

3. Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 ; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Đào Văn D4** 01 (một) năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 tháng.

4. Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS, khoản 1 khoản 2 Điều 60 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Phúc V1** (Bảy) 01(một) năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 tháng.

5. Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân T1** 01(một) năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 (ba) năm.

6. Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn N 01**(một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

7. Căn cứ khoản 1 điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS,

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tấn S 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 249; điểm p, khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H2 01** (một) năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 tháng.

9. Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p, k khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Y NN 09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

10. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Đ 09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 12/9/2017 đến ngày 18/9/2017.

11. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thế A 09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 15/10/2017.

12. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tuấn A1** (T phở) 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

13. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 điều 60 BLHS năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Anh T1** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 tháng.

14. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Xuân L** 05 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

15. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tiến P** 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

16. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Trọng C1** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (hai) năm 06 tháng.

17. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999;

Xử phạt **Nguyễn Thị T** (Bảy T) 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

18. Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, x khoản 1 điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo **Lư Minh P1** 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

**[2] Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2 Điều 249 BLHS.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn D3, Đào Văn D4, Phạm Văn H2, Nguyễn Xuân T1, Đặng Phúc V1, Nguyễn N, Lê Tấn S mỗi bị cáo 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn D2 phạt 7.000.000 đồng; các bị cáo Trần Anh T1, Nguyễn Tuấn A1, Lê Trọng C1, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị T, Lư Minh P1, Ngô Đ, Nguyễn Tiến P, Hoàng Thê A mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y NN;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có kháng cáo bản án sơ thẩm gồm:

- Ngày 13/02/2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 09/02/2018, bị cáo Nguyễn Thị Xuân L kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 08/02/2018, bị cáo Nguyễn Tiến P kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 12/02/2018, các bị cáo Ngô Đ, Nguyễn N, Y NN kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 08/02/2018, bị cáo Lê Tấn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 22/02/2018, bị cáo Hoàng Thế A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 08/02/2018, bị cáo Lư Minh P1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo vắng mặt; xét việc vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng tới việc xét xử; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk luận tội, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng tội danh và mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn S, Nguyễn Thị T, Hoàng Thế A, Lư Minh P1. Xét thấy hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo Nguyễn N, 09 tháng tù đối với bị cáo Ngô Đ và 09 tháng tù đối với bị cáo Y NN là có phần nghiêm khắc với hành vi của các bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã ăn năn, hối cải, nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền phạt bổ sung nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Xuân L và Nguyễn Tiến P sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo Nguyễn Thị Xuân L phạm tội lần đầu, bị cáo Nguyễn Tiến P hiện đang phải nuôi con nhỏ, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm và xử phạt:

- Xử phạt bị cáo Y NN từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Gá bạc”;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn N 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;
- Xử phạt bị cáo Ngô Đ từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến P 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân L 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Y NN, Nguyễn Thị Xuân L cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm; mẹ của bị cáo Nguyễn N là người có công với Cách mạng, anh trai bị cáo là liệt sỹ; bị cáo Ngô Đ có cha mẹ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng

chiến hạng 3; bị cáo Nguyễn Thị Xuân L đã lớn tuổi và là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi con bị mắc bệnh thần kinh, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; bị cáo Y NN là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Nguyễn Thị Xuân L, Y NN, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 17/8/2017, Trần Văn D2, Nguyễn D3, Lê Tấn S, Đào Văn D4, Phạm Văn H2, Đặng Phúc V1, Nguyễn N, Nguyễn Xuân T1 đang tổ chức đánh bạc cho Lư Minh P1, Ngô Đ, Nguyễn Thị Xuân L, Lê Trọng C1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tuấn A1, Nguyễn Tiến P, Trần Anh T1, Hoàng Thế A và một số con bạc khác đánh bạc trái phép với hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 16.550.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn N, Lê Tấn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249; bị cáo Y NN phạm tội “Gà bạc” theo khoản 1 Điều 249; các bị cáo Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị T, Lư Minh P1, Ngô Đ, Nguyễn Tiến P, Hoàng Thế A phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Lê Tấn S, Nguyễn Thị T, Hoàng Thế A, Lư Minh P1 là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[3] Đối với bị cáo Ngô Đ, Nguyễn N sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo Ngô Đ và bị cáo Nguyễn N là gia đình có công với cách mạng; các bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần được áp dụng đối với các bị cáo; bị cáo Y NN đã có hành vi cho các bị cáo khác thuê rầy để đánh bạc nhằm thu lợi 300.000 đồng, bị cáo là người dân tộc thiểu số và không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận

kháng cáo của các bị cáo Ngô Đ, Nguyễn N, Y NN, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[4] Xét mức hình phạt 05 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Xuân L và 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Tiến P và buộc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: bị cáo Nguyễn Thị Xuân L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, các bị cáo nơi cư trú ổn định, rõ ràng, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm; hiện tại bị cáo Nguyễn Tiến P, do vợ bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương nên bị cáo đang phải nuôi 02 con còn nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Y NN, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Tiến P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Tấn S, Nguyễn Thị T, Hoàng Thế A, Lư Minh P1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ Điều 351; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Y NN, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Tiến P – Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn S, Nguyễn Thị T, Hoàng Thế A, Lư Minh P1 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 2015; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn N** 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn S** 1 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 249, điểm p, k khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Y NN 06** (sáu) tháng tù về tội “Gá bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 14/11/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 2015; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Ngô Đ 06** (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 12/9/2017 đến ngày 18/9/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thế A 09** (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 15/10/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Xuân L 05** (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Xuân L cho UBND thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến P 06** (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến P cho UBND phường TL1, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999:

Xử phạt **Nguyễn Thị T** (Bảy T) 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

- Căn cứ khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Lư Minh P1** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/8/2017 đến ngày 26/8/2017.

[2] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn N, Ngô Đ, Y NN, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Tiến P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lê Tấn S, Nguyễn Thị T, Hoàng Thế A, Lư Minh P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THSDS TP. BT;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trịnh Văn Toàn**